

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2017/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2017
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quang Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Ngô Văn Mừng**.
- Ông **Trương Phước Công**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Thúy**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2016/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2016/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp Bình Quới, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của bà Đ. Có bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Kiến Thuận 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 03.11.2016. (Bà Tiến có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 181, tổ 5, ấp Bình Quới, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà **Tiêu Nguyệt C**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 180, ấp Thị 1, thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà và ông Đ1 chung sống với nhau vào năm 1983, không đăng ký kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, ông Đ1 thường hay đánh đập bà, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 02.2016 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ1.

- **Về quan hệ con chung:** Bà và ông Đ1 có 03 con chung tên Nguyễn Văn T, 1985; Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị Việt T, sinh năm 1993 (Cả 03 con đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Bà Trần Thị Kim T đại diện theo ủy quyền của bà Đ trình bày: Bà Đ và ông Đ1 trong thời gian chung sống không có tài sản chung.

- **Về quan hệ nợ chung:** Trước đây bà Đ trình bày bà và ông Đ1 có nợ 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng) của bà Tiêu Nguyệt C. Nay bà đã trả xong cho bà C nên vợ chồng không còn nợ chung.

* **Bị đơn** ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ về quan hệ hôn nhân vợ chồng chung sống với nhau vào năm 1983, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ, nhưng bà Đ yêu cầu ly hôn ông không đồng ý. Muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng vì còn thương vợ, con.

- **Về quan hệ con chung:** Ông và bà Đ có 03 con chung tên Nguyễn Văn T, 1985; Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị Việt T, sinh năm 1993 (Cả 03 con chung đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ chung:** Vợ chồng không có nợ chung.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Tiêu Nguyệt C đã được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà C không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên không ghi nhận được ý kiến của bà C.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Tiêu Nguyệt C đã được tổng đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa. Hôm nay, ông Đ1, bà C vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015. Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa và tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ1, bà C là có căn cứ.

- **Về thủ tục tố tụng:** Bà Nguyễn Thị Đ xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ1. Ông Đ1 có nơi cư trú tại ấp Bình Quới, xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Đ1 xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 1983, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Ông Đ1 cho rằng ông và bà Đ có đăng ký kết hôn; Tòa án đã ấn định thời gian cho ông Đ1 cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, hết thời hạn ấn định nhưng ông Đ1 không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cũng không có chứng cứ, chứng minh việc ông có đăng ký kết hôn với bà Đ. Do tình trạng hôn nhân của ông Đ1, bà Đ có trước năm 1987; Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhưng ông Đ1 không muốn ly hôn và cho rằng còn thương vợ và các con. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện cho ông Đ1, bà Đ hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông Đ1, bà Đ không thể hiện ý chí hàn gắn về hôn nhân. Hiện tại tình cảm hôn nhân giữa ông Đ1, bà Đ không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa ông Đ1, bà Đ không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ xin ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ1 là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Đ, ông Đ1 có 03 con chung tên Nguyễn Văn T, 1985; Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị Việt T, sinh năm 1993 (Cả 03 con đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Bà Nguyễn Thị Đ trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ chung:** Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Đ, ông Đ1 trong thời kỳ hôn nhân thì bà Đ, ông Đ1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- **Về án phí:** Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

- Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ1.

- **Về quan hệ con chung:** Bà Đ, ông Đ1 có 03 con chung tên Nguyễn Văn T, 1985; Nguyễn Văn H, sinh năm 1987 và Nguyễn Thị Việt T, sinh năm 1993 (Cả 03 con đã trưởng thành) không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Bà T đại diện bà Đ, ông Đ1 trình bày không có. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- **Về quan hệ nợ chung:** Ghi nhận bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà Đ, ông Đ1 trong thời kỳ hôn nhân thì bà Đ, ông Đ1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Đ phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 200.000^d (Hai trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.700.000^d (Hai Triệu bảy trăm ngàn đồng). Bà Đ được nhận lại 2.500.000^d (Hai Triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004813 ngày 24.11.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hợp lệ./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Bình Phước Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh